

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-7-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quảng Thanh Tú

Ông Nguyễn Hồng Bón

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu tung tâm trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần vụ án thụ lý số 37/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hoàng D, sinh năm 1996; cư trú tại Khóm C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- **Bị đơn:** Anh Chueh Chuang H, sinh năm 1977; cư trú tại số A lầu C hẻm C đoạn A đường C, khu N, thành phố Đ, Lãnh thổ Đài Loan (vắng mặt).

Ngoài ra, còn có ông Đặng Văn T, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hoàng D trình bày: Chị và anh Chueh Chuang H kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, anh Chueh Chuang H trở về Lãnh thổ Đài Loan, chị sinh sống ở Việt Nam. Nhưng do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán và mỗi

người có quan điểm riêng nên mỗi lần nói chuyện với nhau thì xảy ra mâu thuẫn, không thể duy trì được quan hệ vợ chồng. Vì vậy, chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Chueh Chuang H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bị đơn anh Chueh Chuang H trình bày: Anh và chị D kết hôn tại huyện T vào ngày 14/12/2023. Do cá tính của vợ, chồng không hợp, không thể chung sống với nhau được nên anh đồng ý ly hôn với chị D. Về con chung và tài sản chung, không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị D và anh Chueh Chuang H kết hôn vào năm 2023, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, hai người đều đồng ý ly hôn với nhau và không có con chung, tài sản chung, nợ chung. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh Chueh Chuang H; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Buộc chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Chueh Chuang H làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt (BL 14). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Chueh Chuang H.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh Chueh Chuang H kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/12/2023 (BL 08), đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. Nay, cả chị D và anh Chueh Chuang H đều khai, sau khi kết hôn hai người có cá tính riêng, không thể sống chung được và đều đồng ý ly hôn với nhau. Như vậy, giữa chị D và anh Chueh Chuang H không có tình nghĩa vợ chồng về yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc nhau. Chị D yêu cầu ly hôn với anh Chueh Chuang H, là có căn cứ.

[3] Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh Chueh Chuang H; không xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định “*Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Trường hợp cả hai thuận tình ly hôn thì mỗi bên đương sự phải chịu 50% (một nửa) án phí sơ thẩm*”. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003992, ngày 06/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và khoản 1 Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hoàng D.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hoàng D ly hôn với anh Chueh Chuang H.

2. Về con chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hoàng D chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị Nguyễn Thị Hoàng D đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003992, ngày 06/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật, để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- UBND huyện T, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ký tên và đóng dấu)

Ngô Đê